Tổng hợp số liệu khai thác các chuyến bay đúng giờ, chậm, hủy chuyến của các hãng hàng không Việt Nam- Tháng 10/2022 (Giai đoạn từ 19/9/2022 - 18/10/2022)

Chỉ tiêu	Vietnam Airlines		VietJet Air		Pacific Airlines		VASCO		Bamboo Airways		Vietravel		Tổng		
	Số chuyến	Tỷ lệ	Số chuyến	Tỷ lệ	Số chuyến	Tỷ lệ	Số chuyến	Tỷ lệ	Số chuyến	Tỷ lệ	Số chuyến	Tỷ lệ	Số chuyến	Tỷ lệ	Tỷ trọng
CHUYẾN BAY KHAI THÁC	**8.726**		**9.688**		**1.277**		**535**		**4.371**		**440**		**25.037**		
Tăng/giảm so cùng kỳ	*510,2%*		*2234,5 %*		*6285,0 %*				*1784,1 %*				*1090,5 %*		
Tăng/giảm so tháng trước	*-12,6%*		*-21,3%*		*-39,1%*		*-14,1%*		*-9,6%*		*-14,1%*		*-17,6%*		
SỐ CHUYẾN BAY CẤT CÁNH ĐÚNG GIỜ (OTP)	**8.136**	*93,2%*	**8.969**	*92,6%*	**1.223**	*95,8%*	**511**	*95,5%*	**4.079**	*93,3%*	**396**	*90,00 %*	**23.314**	*93,1%*	
Tăng/giảm so cùng kỳ (điểm)		*-4,0*		*-0,4*		*55,8*		*45,5*		*-5,4*		*90,0*		*-2,7*	
Tăng/giảm so tháng trước (điểm)		*1,8*		*4,4*		*2,4*		*0,5*		*0,2*		*-3,0*		*2,5*	
CHẬM CHUYẾN	**590**	6,8%	**719**	7,4%	**54**	4,2%	**24**	4,5%	**292**	6,7%	**44**	10,0%	**1.723**	6,9%	
Tăng/giảm so cùng kỳ (điểm)		*4,0*		*0,4*		*-55,8*		*-45,5*		*5,4*		*10,0*		*2,7*	
Tăng/giảm so tháng trước (điểm)		*-1,8*		*-4,4*		*-2,4*		*-0,5*		*-0,2*		*3,0*		*-2,5*	
1. Trang thiết bị và dịch vụ tại Cảng	49	*0,6%*	19	*0,2%*	1	*0,1%*	1	*0,2%*	4	*0,1%*	0	*0,0%*	74	*0,3%*	
2. Quản lý, điều hành bay	37	*0,4%*	5	*0,1%*	2	*0,2%*	1	*0,2%*	0	*0,0%*	0	*0,0%*	45	*0,2%*	
3. Hãng hàng không	61	*0,7%*	175	*1,8%*	7	*0,5%*	2	*0,4%*	81	*1,9%*	0	*0,0%*	326	*1,3%*	
4. Thời tiết	11	*0,1%*	21	*0,2%*	5	*0,4%*	0	*0,0%*	4	*0,1%*	4	*0,9%*	45	*0,2%*	
5. Lý do khác	189	*2,2%*	19	*0,2%*	5	*0,4%*	0	*0,0%*	9	*0,2%*	0	*0,0%*	222	*0,9%*	
6. Tàu bay về muộn	243	*2,8%*	480	*5,0%*	34	*2,7%*	20	*3,7%*	194	*4,4%*	40	*9,1%*	1.011	*4,0%*	
HỦY CHUYẾN	**45**	*0,5%*	**31**	*0,32%*	**14**	*1,1%*	**6**	*1,1%*	**8**	*0,2%*	**8**	*1,8%*	**112**	*0,45%*	
Tăng/giảm so cùng kỳ (điểm)		*-3,2*		*-3,2*		*1,1*		*1,1*		*0,2*				*-2,78*	
Tăng/giảm so tháng trước (điểm)		*0,3*		*0,3*		*1,1*		*0,2*		*0,0*		*1,8*		*0,30*	
1. Thời tiết	37	*0,4%*	27	*0,3%*	14	*1,1%*	2	*0,4%*	4	*0,1%*	6	*1,3%*	90	*0,36%*	
2. Kỹ thuật	2	*0,0%*	1	*0,0%*	0	*0,0%*	2	*0,4%*	3	*0,1%*	2	*0,4%*	10	*0,0%*	
3. Thương mại	0	*0,0%*	0	*0,0%*	0	*0,0%*	2	*0,4%*	0	*0,0%*	0	*0,0%*	2	*0,0%*	
4. Khai thác	6	*0,1%*	3	*0,0%*	0	*0,0%*	0	*0,0%*	1	*0,0%*	0	*0,0%*	10	*0,0%*	
5. Lý do khác	0	*0,0%*	0	*0,0%*	0	*0,0%*	0	*0,0%*	0	*0,0%*	0	*0,0%*	0	*0,0%*	